



TOYOGENGOBUNKAGAKUIN
東洋言語文化学院

Asian Language & Culture College

Chương trình tuyển sinh



1. Yêu cầu tuyển sinh

- Học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục hệ 12 năm hoặc chương trình giáo dục tương ứng
- Học sinh có chứng chỉ kiểm tra năng lực tiếng Nhật N5 trở lên hoặc trình độ năng lực tiếng Nhật cấp tương đương, nhưng khi nộp hồ sơ, yêu cầu về năng lực tiếng Nhật sẽ căn cứ vào chương trình đào tạo.
- Học sinh đủ điều kiện thủ tục, có khả năng nhận được visa đến Nhật.
- Học sinh có năng lực hoặc do người khác chi trả chi phí sinh hoạt, chi phí học tập tại Nhật.

2. Về thời gian nhập học, tên chương trình đào tạo, số người, năng lực tiếng Nhật khi nhập học

Thời gian nhập học	Tên chương trình	Thời gian đào tạo	Số người	Tiêu chuẩn năng lực tiếng nhật khi nhập học
Tháng 4	Giáo dục đại học và khóa học việc làm 1 năm	1 năm	200 người	Cao cấp,
	Giáo dục đại học và khóa học việc làm 2 năm	2 năm		Sơ cấp 1
Tháng 7	Giáo dục đại học và khóa học việc làm 1 năm 9 tháng	1 năm 9 tháng		Sơ cấp II
Tháng 10	Giáo dục đại học và khóa học việc làm 1 năm 6 tháng	1 năm 6 tháng		Trung cấp I
Tháng 1	Giáo dục đại học và khóa học việc làm 1 năm 3 tháng	1 năm 3 tháng		Trung cấp II

※Về tiêu chuẩn năng lực tiếng Nhật khi nhập học

Sơ cấp I: tương đương thi năng lực tiếng Nhật N5 (người học đại học hoặc người được đào tạo 150h học tiếng Nhật trở lên ở các trường tiếng Nhật)

Sơ cấp II: tương đương năng lực tiếng Nhật N5- N4

Trung cấp I: tương đương năng lực tiếng Nhật N4

Trung cấp II: tương đương năng lực tiếng Nhật N4-N5

Cao cấp: tương đương năng lực tiếng Nhật N3.

3. Thời gian lên lớp và ngày nghỉ

- Thời gian lên lớp: thứ 2 đến thứ 6, một ngày 4 tiết
Thời gian lên lớp sáng: 8:40-12:00 (có giờ nghỉ)
Thời gian lên lớp chiều: 13:30-16:50 (có giờ nghỉ)
- Ngày nghỉ: thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ của Nhật Bản, kỳ nghỉ Okinawa, kỳ nghỉ của trường.
Kỳ nghỉ của trường: xuân, hạ, thu, đông, mỗi mùa khoảng 2-3 tuần.

4. Lưu trình nhập học

- 1) Nộp hồ sơ xin đăng ký nhập học: 6 tháng trước thời gian nhập học nộp đơn xin đăng ký nhập học đến văn phòng của trường.
- 2) Thi kiểm tra: Văn phòng trường sẽ liên hệ thời gian, địa điểm thi kiểm tra (gồm phỏng vấn)
 - ※ Vui lòng đem theo hồ sơ nộp nhập cảnh, khi thi kiểm tra sẽ xác nhận
 - ※ Về hồ sơ nộp, Vui lòng gửi hoặc xác nhận cột gửi dữ liệu riêng biệt.
- 3) Kết quả: Chúng tôi sẽ thông báo đạt/không đạt trong vòng hai tuần.
 - ※ Người có kết quả đạt, vui lòng nộp phí tuyển sinh
 - ※ Trường chúng tôi sẽ chỉ cấp giấy nhập học sau khi nhận được lệ phí và nộp đơn xin Giấy chứng nhận tư cách lưu trú cho Cục quản lý xuất nhập cảnh.
- 4) Đơn đăng ký với Cục xuất nhập cảnh: Gửi đơn xin Giấy chứng nhận tư cách lưu trú cho Cục quản lý xuất nhập cảnh
- 5) Công bố kết quả của giấy chứng nhận tư cách lưu trú
 - ※ Trường chúng tôi sẽ cấp một bản sao giấy chứng nhận tư cách lưu trú cho học sinh đủ tư cách cư trú.
 - ※ Chúng tôi sẽ không hoàn trả phí kiểm tra ngay cả khi kết quả đánh giá của Cục quản lý xuất nhập cảnh không được thông qua. Xin vui lòng nắm rõ.
- 6) Nộp học phí: học sinh đã xác nhập nộp học phí, trường chúng tôi sẽ cấp giấy chứng nhận tư cách lưu trú.
 - ※ Vài năm gần đây, về việc nộp học phí muộn, dẫn đến hiện tượng phát giấy chứng nhận tư cách lưu trú muộn, vui lòng nộp học phí sớm.
- 7) Đăng ký xin visa du học: vui lòng xin visa du học ở nước sở tại của người đăng ký.
 - ※ Vui lòng đem theo giấy chứng nhận tư cách lưu trú, giấy nhập học đến đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Nhật Bản ở nước sở tại.
- 8) Thanh toán visa du học: nếu phải thanh toán chi phí visa du học, vui lòng thông báo trường chúng tôi đã thanh toán.
 - ※ Trường chúng tôi sẽ thông báo ngày chỉ định nhập học
 - ※ Nếu đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Nhật Bản từ chối cấp visa, ngoài các phí thủ tục đã quy định, trường chúng tôi sẽ trừ phí tuyển sinh, phí nhập học và các phí thủ tục chúng tôi đã trả vào tiền học phí, phần còn lại sẽ trả lại người đăng ký.

- 9) Đến Nhật Bản: Vui lòng đến Nhật Bản vào ngày chỉ định
※ Nếu đến Nhật Bản vào ngày khác ngoài ngày chỉ định, phải trả chi phí tiếp đón (5000 JPY)
- 10) Nhập học: chào mừng nhập học. Sau đó vui lòng nỗ lực học tập đến khi tốt nghiệp

5. Về hồ sơ phải cần nộp

- 1) Đơn đăng ký xin nhập học (Tài liệu được chỉ định)
 - ※ Phải viết tay, vui lòng viết rõ ràng, cẩn thận, nếu viết sai, vui lòng viết lại.
 - ※ Tên: vui lòng dùng chữ Latinh
 - ※ cần điền, vui lòng điền toàn bộ, tránh để ô trống, nếu không có vui lòng viết “không”.
 - ※ Vui lòng xác nhận lại nội dung của đơn đăng ký bao gồm các tài liệu khác.
 - ※ Nếu bạn có nền tảng giáo dục không đều, vui lòng gửi một nền tảng giáo dục đặc biệt riêng biệt.
 - ※ Ở ô lý lịch, nếu có thời gian để trống, vui lòng cung cấp đơn giải trình về thời gian để trống.
 - ※ Nếu bạn đã từng nộp đơn xin Giấy chứng nhận đủ điều kiện vào trường của chúng tôi trong quá khứ, vui lòng liên hệ thêm với chúng tôi.
- 2) Một bản sao hộ chiếu (Nếu bạn có hộ chiếu)
- 3) Ảnh khuôn mặt được chụp trong vòng 3 tháng (dài 4 cm × rộng 3 cm)
- 4) Giấy chứng nhận tốt nghiệp quá trình học cuối cùng
- 5) Dữ liệu chứng nhận quá trình học tập tiếng Nhật
 - ※ Vui lòng cung cấp dữ liệu thời gian học tập tiếng Nhật do các trường, các cơ quan học tập tiếng Nhật cung cấp
 - ※ Tài liệu xác nhận rằng bạn có trình độ tiếng Nhật tương đương với Bài kiểm tra trình độ tiếng Nhật N5 (Cấp độ 4) (150 giờ trở lên thời gian học)
- 6) Một tài liệu giải thích mô tả cụ thể mục đích của việc học tiếng Nhật và khóa học sau khi tốt nghiệp từ một viện tiếng Nhật. (Tài liệu được chỉ định) (Vui lòng nộp nếu hơn 5 năm đã trôi qua kể từ khi người nộp đơn tốt nghiệp trường cuối cùng của mình)
- 7) Tài liệu hỗ trợ tài chính (Không bắt buộc nếu người đó là người ủng hộ) (Tài liệu được chỉ định)
 - ※ Nếu người hỗ trợ chi phí không phải là cha mẹ của người nộp đơn, vui lòng giải thích cụ thể hơn cách họ trở thành người hỗ trợ chi phí.
- 8) Tài liệu chứng minh mối quan hệ giữa người hỗ trợ tài chính và người nộp đơn.
(Không bắt buộc nếu người đó là người ủng hộ)
 - ※ Giấy khai sinh, v.v.
 - ※ Người Việt Nam bắt buộc phải có sổ đăng ký gia đình.
- 9) Giấy chứng nhận số dư ngân hàng của người hỗ trợ tài chính
- 10) Tài liệu làm rõ lịch sử hình thành quỹ
 - ※ Bản sao sao kê tiền gửi hoặc sổ sách ngân hàng của người ủng hộ tài chính (trong 1 năm qua)
- 11) Giấy chứng nhận thu nhập của người hỗ trợ tài chính
- 12) Giấy chứng nhận học bổng (Nếu có)
- 13) Tài liệu chứng minh nghề nghiệp, v.v. của nhà tài trợ chi phí

※ Ngày cấp giấy chứng nhận, tên tổ chức phát hành, thông tin liên hệ của tổ chức cấp, tên người chứng minh, Chức danh, mô tả công việc, nhiệm kỳ, v.v.

※ Nếu người ủng hộ tài chính đang ở Nhật Bản, hãy nộp thẻ cư trú của người ủng hộ tài chính.

14) Dữ liệu khác mà trường chúng tôi cho là cần thiết, và dữ liệu yêu cầu khác

Chú ý: tất cả dữ liệu đều phải dịch sang tiếng Nhật.

6. Chi phí phải nộp

① Học phí

	1 năm	1 năm 3 tháng	1 năm 6 tháng	1 năm 9 tháng	2 năm
Phí tuyển sinh	¥20,000	¥20,000	¥20,000	¥20,000	¥20,000
Phí nhập học	¥50,000	¥50,000	¥50,000	¥50,000	¥50,000
Học phí năm đầu	¥650,000	¥650,000	¥650,000	¥650,000	¥650,000
Học phí năm 2	¥0	¥162,500	¥325,000	¥487,500	¥650,000
Phí sách giáo khoa	¥20,000	¥20,000	¥20,000	¥20,000	¥20,000
Phí duy trì cơ sở hạ tầng	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000
Tổng	¥750,000	¥912,500	¥1,075,000	¥1,237,500	¥1,400,000
Số tiền bao gồm thuế	¥825,000	¥1,003,750	¥1,182,500	¥1,361,250	¥1,540,000

※Số tiền trên sẽ được áp dụng từ năm 2023.

② Về phí ký túc

	1 năm	1 năm 3 tháng	1 năm 6 tháng	1 năm 9 tháng	2 năm
Phí vào ở	¥30,500	¥30,500	¥30,500	¥30,500	¥30,500
Phí thuê ở ký túc	¥264,000	¥330,000	¥396,000	¥462,000	¥528,000
Phí dọn dẹp ký túc xá	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000
Phí duy trì cơ sở hạ tầng	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000
Tổng	¥314,500	¥380,500	¥446,500	¥512,500	¥578,500

※Phí thuê ở ký túc không gồm chi phí nhiên liệu như chiếu sáng và gas. Chi phí nhiên liệu gas và chiếu sáng thu theo thực tế sử dụng

※Nguyên tắc: trong vòng một năm sau khi nhập học phải ở trong ký túc

※Các tiện nghi ký túc xá bao gồm giường futon, điều hòa không khí, bếp gas, máy giặt, tủ lạnh, Wi-Fi, vòi hoa sen và nhà vệ sinh. Xe đạp v.v. phải được mua bởi chính mình.

③ Về các phí khác

	1 năm	1 năm 3 tháng	1 năm 6 tháng	1 năm 9 tháng	2 năm
Phí kiểm tra sức khỏe	¥1,000	¥1,000	¥1,000	¥1,000	¥1,000
Phí bảo hiểm y tế toàn dân	¥17,900	¥4,500	¥8,900	¥13,400	¥17,900
Bảo hiểm du học sinh	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000
Tổng	¥28,900	¥15,500	¥19,900	¥24,400	¥28,900

※Bảo hiểm du học sinh sau 1 năm tùy ý tham gia

※Phí bảo hiểm sức khỏe toàn dân sẽ là số tiền năm thứ nhất, niên độ tiếp theo sẽ tự chịu. Số tiền có thể sẽ thay đổi

7. Những điều cần chú ý về phí nộp

- Người đăng ký thi kiểm tra (phỏng vấn) đạt, vui lòng thanh toán chi phí tuyển sinh 22,000 Y (gồm thuế). Trường chúng tôi sẽ nộp đăng ký giấy chứng nhận tư cách lưu trú cho cục quản lý xuất nhập cảnh cho các học sinh đã xác nhận nộp đủ chi phí.
- Khi cấp giấy chứng nhận tư cách lưu trú, vui lòng thanh toán học phí và phí ký túc theo quy định.
- Kết quả thẩm tra của Cục quản lý xuất nhập cảnh, ngay cả khi không được cấp giấy chứng nhận tư cách lưu trú, cũng sẽ không được hoàn trả phí tuyển sinh, xin lưu ý.
- Nếu Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Nhật Bản từ chối cấp VISA sau khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện, nếu bạn bị từ chối nhập cảnh vào Nhật Bản, hoặc nếu bạn từ chối nhập học, không bao gồm phí lựa chọn, phí vào cửa, phí chiếm dụng và phí chuyển tiền từ trường của chúng tôi, số tiền còn lại sẽ được hoàn trả từ các chi phí đã thanh toán.
- Học phí và phí ký túc năm đầu về nguyên tắc sẽ thu một năm một lần. Nếu thôi học, không trả lại học phí.

8. Thông tin ngân hàng

Tên ngân hàng	Bank of the Ryukyus,Limited.
Tên chi nhánh	Gushikawa Branch
Địa chỉ	1-9-19, Agena ,Uruma-City, Okinawa
Số tài khoản ngân hàng	Regular Saving 643616
Tên tài khoản ngân hàng	Shingaku, LTD.

9. Địa chỉ liên hệ

Zipcode : 904-2215

5-3-25, Midorimachi, Uruma-City, Okinawa

TEL:098-972-4888 FAX:098-989-4697

E-mail:info@toyo-alcc.com

URL:http://www.toyo-alcc.com